

CHÍNH PHỦ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 42 /NQ-CP

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 138/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ;

Căn cứ kết luận phiên họp ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Thông báo số 3546/TB-TTKQH ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Tổng Thư ký Quốc hội;

Trên cơ sở ý kiến thống nhất của Chính phủ tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3 năm 2020 và đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2344/TTr-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2020,

QUYẾT NGHỊ:

Đại dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, đã lan rộng và bùng phát tại nhiều quốc gia, khu vực trên thế giới, ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế toàn cầu và các nước, đối tác lớn của nước ta. Ở trong nước, dịch Covid-19 đã và đang tác động đến nhiều mặt trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội; đời sống người dân gặp nhiều khó khăn; nhiều doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã phải tạm dừng hoạt động, thu hẹp quy mô sản xuất hoặc sản xuất cầm chừng làm gia tăng thất nghiệp, mất việc làm trong ngắn hạn và tình hình có thể phức tạp hơn nếu dịch bệnh kéo dài.

Nhằm chia sẻ khó khăn, bảo đảm cuộc sống của nhân dân, người lao động cả nước, góp phần ổn định xã hội, Chính phủ quyết nghị thực hiện một số biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 như sau:

I. NGUYÊN TẮC

1. Hỗ trợ đối tượng bị giảm sâu thu nhập, mất, thiếu việc làm, gặp khó khăn, không đảm bảo mức sống tối thiểu, chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19; hỗ trợ thêm cho một số nhóm đối tượng đang hưởng chính sách ưu đãi, bảo trợ xã hội trong thời gian có dịch.

2. Nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng xã hội cùng chia sẻ trách nhiệm trong việc bảo đảm cuộc sống cho người lao động.

4. Người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp; người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm được hỗ trợ 1.000.000 đồng/người/tháng theo hằng tháng tùy theo tình hình thực tế của diễn biến dịch nhưng tối đa không quá 3 tháng. Thời gian áp dụng từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2020.

5. Người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng được hỗ trợ thêm 500.000 đồng/người/tháng. Thời gian áp dụng là 3 tháng, từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2020 và được chi trả một lần.

6. Đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng được hỗ trợ thêm 500.000 đồng/người/tháng. Thời gian áp dụng là 3 tháng, từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2020 và được chi trả một lần.

7. Hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo quốc gia trong danh sách đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 được hỗ trợ 250.000 đồng/khẩu/tháng. Thời gian áp dụng là 3 tháng, từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2020 và được chi trả một lần.

III. CÁC CHÍNH SÁCH KHÁC

1. Người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 dẫn đến phải giảm từ 50% lao động tham gia bảo hiểm xã hội trở lên so với thời điểm cơ quan có thẩm quyền công bố dịch (kể cả lao động ngừng việc, tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, thỏa thuận nghỉ không hưởng lương) thì người lao động và người sử dụng lao động được tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất tối đa không quá 12 tháng.

2. Cho phép người lao động được gửi hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp qua đường bưu điện, thông báo về việc tìm kiếm việc làm hàng tháng được thực hiện dưới hình thức gián tiếp (gửi thư điện tử, fax, qua đường bưu điện...) trong thời gian từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 đến khi công bố hết dịch mà không phải xin xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn về việc xảy ra dịch bệnh trên địa bàn.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Chủ trì phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan hướng dẫn các địa phương, cơ quan bảo hiểm xã hội thực hiện thống nhất việc hỗ trợ theo quy định tại điểm 1, 3, 4, 5, 6, 7 Mục II, điểm 1 Mục III Nghị quyết này, bảo đảm kịp thời, công khai, minh bạch, chi hỗ trợ các đối tượng khó khăn, bị ảnh hưởng theo nguyên tắc quy định tại Mục I Nghị quyết này.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội và các cơ quan liên quan dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay đối với người sử dụng lao động để chi trả tiền lương ngừng việc theo quy định tại điểm 2 Mục II Nghị quyết này, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 4 năm 2020.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn các địa phương và cơ quan bảo hiểm xã hội thực hiện thống nhất việc tạm dừng đóng vào Quỹ hưu trí và tử tuất theo điểm 1 Mục III Nghị quyết này.

d) Tổng hợp, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết tại các phiên họp Chính phủ thường kỳ hàng tháng; kịp thời đề xuất Thủ tướng Chính phủ các giải pháp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong tổ chức thực hiện.

2. Bộ Tài chính:

a) Phối hợp với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong việc triển khai thực hiện các chính sách, chế độ quy định tại điểm 2, 3 Mục II Nghị quyết này.

b) Bảo đảm nguồn ngân sách trung ương để thực hiện các chính sách quy định tại Nghị quyết này.

c) Căn cứ quy định tại Nghị quyết này, quy định của pháp luật có liên quan và số thực chi của các địa phương (có xác nhận của Kho bạc Nhà nước) để xem xét, hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho từng địa phương, định kỳ tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam và các cơ quan liên quan hướng dẫn và cho Ngân hàng Chính sách xã hội vay tái cấp vốn khoảng 16.000 tỷ đồng với lãi suất 0% để cho người sử dụng lao động vay trả lương cho người lao động theo điểm 2 Mục II Nghị quyết này.

b) Được phép sử dụng khoản dự phòng rủi ro trích lập từ nguồn chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để xử lý đối với khoản nợ tái cấp vốn tại Nghị quyết này phát sinh quá hạn từ 3 năm trở lên.

4. Bảo hiểm Xã hội Việt Nam chủ trì xác định và phê duyệt danh sách các đối tượng được hưởng chế độ quy định tại điểm 1 Mục III Nghị quyết này và phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện, bảo đảm kịp thời, công khai, minh bạch, đúng đối tượng, không để lợi dụng, trục lợi chính sách.

5. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Chủ động sử dụng nguồn lực của địa phương theo quy định tại Mục I Nghị quyết này, báo cáo kết quả thực hiện cho Bộ Tài chính để tổng hợp và trình cấp có thẩm quyền hỗ trợ.

b) Chủ trì xác định và phê duyệt danh sách các đối tượng được hưởng chế độ quy định tại Mục II Nghị quyết này và phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện, bảo đảm kịp thời, công khai, minh bạch, đúng đối tượng, không để lợi dụng, trục lợi chính sách, tham nhũng, tiêu cực.

c) Căn cứ Nghị quyết này, chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện, bố trí nguồn lực kịp thời hỗ trợ đối tượng quy định tại điểm 4 Mục II.

6. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, các cơ quan thông tấn, báo chí, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi Nghị quyết này.

7. Các bộ, cơ quan trung ương, địa phương tập trung quán triệt, khẩn trương có chương trình, kế hoạch hành động cụ thể và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý triển khai thực hiện ngay các nhiệm vụ nêu tại Nghị quyết này; làm tốt công tác hướng dẫn, tuyên truyền, vận động cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân về các cơ chế, chính sách, giải pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; chủ động phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan xử lý những vướng mắc phát sinh, định kỳ hàng tháng báo cáo tình hình thực hiện, đề xuất giải pháp, gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 20 hàng tháng để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại các phiên họp thường kỳ.

8. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc các tập đoàn, tổng công ty nhà nước chịu trách nhiệm trực tiếp trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết này./

Nơi nhận:

- Tổng Bí thư, Chủ tịch nước (để b/c);
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Quốc hội;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, KTTT (3).H.Dương **118**

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Xuân Phúc